

Hải Dương, ngày 20 tháng 7 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm hoá chất, vật tư tiêu hao với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, địa chỉ: Số 229 Nguyễn Lương Bằng, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Bùi Quang Thiết, số điện thoại: 02203895228; Email: benhvien@hmtu.edu.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại Phòng Văn thư Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.
- Địa chỉ Email: benhvien@hmtu.edu.vn nhận file mềm excel và bản scan

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 16h ngày 20 tháng 7 năm 2023 đến trước 17h ngày 31 tháng 7 năm 2023

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hoá chất, vật tư tiêu hao: Chi tiết bảng mô tả tại phụ lục 1 kèm theo.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế như sau:

- Địa điểm cung cấp: Tại kho Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, địa chỉ: Số 229 Nguyễn Lương Bằng, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương
- Hàng hoá được cung cấp kèm theo tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ theo quy định pháp luật.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý IV năm 2023.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không
- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu, chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Các yêu cầu khác:

- Báo giá theo mẫu tại phụ lục 2 đính kèm
- Báo giá được ký đóng dấu của người có thẩm quyền và đóng dấu giáp lai nếu báo giá có nhiều trang.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HCTC, TCKT, CNTT.



PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ĐÌNH DŨNG

PHỤ LỤC 1

BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT DANH MỤC HOÁ CHẤT, VẬT TƯ TIÊU HAO

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 432/TB-BVĐHKTYTHD ngày 20/7/2023 của Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1.	ROUTINE QC 2 ML	Huyết tương người bình thường và không bình thường có citrat dạng đông khô; gồm hai mức nồng độ khác nhau của các chỉ số: PT, đông máu thường quy (aPTT, TT, Fibrinogen), yếu tố II, yếu tố VII, yếu tố X, Antithrombin. Hộp 12x2x 2ml	8	Hộp
2.	Liquid Fib	Hóa chất chứa thrombin người đã citrat hóa có chứa canxi (khoảng 100 NIH units/ml) và có chứa một chất ức chế đặc hiệu heparin inhibitor cho phép phân tích fibrinogen trong mẫu huyết tương có heparin. Hộp 12 x 4 ml	5	Hộp
3.	Cleaner Solution	Thành phần gồm nước, chất diệt nấm họ ether glycol. Hộp 6 x 2500ml	5	Thùng
4.	Desorb U	Dung dịch chứa potassium hydroxide nồng độ < 1% Hộp 24 x 15ml	10	Hộp
5.	NeoPrtimal 5	Thromboplastin đông khô được chiết xuất từ não thỏ. ISI ~1.0. Dung dịch hòa tan có chứa canxi, hexahydrat niken sunfat nồng độ < 0,1%, natri azide nồng độ < 1 g/l. Hộp 6x5 ml	20	Hộp
6.	CK PREST 5.	Cephalin (platelet substitute), được chuẩn bị từ mô não thỏ theo Bell và Alton, dạng đông khô. Dung dịch đệm huyền phù của kaolin (5mg kaolin/1ml). Hộp 6 x 5ml	10	Hộp
7.	Thrombin 2	Chứa thrombin citrat canxi (người) nồng độ khoảng 1.5 NIH unit/ml dạng đông khô. Hộp 12 x 2 ml	15	Hộp
8.	CUVETTE.	Cuvette bằng nhựa dùng một lần, có bị làm bằng thép không gỉ bên trong Thùng 6 cuộn x 1000 cái	3	Thùng
9.	Que thử nước tiểu 11 thông số cho máy tự động	Thông số: Đo được 11 thông số nước tiểu bao gồm: Glucose, pH, Protein, máu, Ketones, Nitrite, Bilirubin, Urobilinogen, tỷ trọng, bạch cầu, acid Ascorbic. Thành phần thuốc thử Ascorbic acid: 2,6-dichlorophenolindophenol 0.7 % Bilirubin: diazonium salt 3.1 % Máu: tetramethylbenzidine-dihydrochloride 2.0 %, isopropylbenzol-hydroperoxide 21.0 % Glucose: glucose oxidase 2.1 %; peroxidase 0.9 %; otilidine-hydrochloride 5.0 % Ketones: sodium nitroprusside 2.0 % Bạch cầu: carboxylic acid ester 0.4 %; diazonium salt 0.2 % Nitrite: tetrahydrobenzo[h]quinolin-3-ol 1.5 %; sulfanilic acid 1.9% pH: methyl red 2.0 %; bromothymol blue 10.0 % Protein: tetra bromophenol blue 0.2 % Ti trọng: bromothymol blue 2.8 %	50	Hộp

		Urobilinogen: diazonium salt 3.6 % Khả năng thực hiện xét nghiệm: xác định định lượng Hemoglobin A1c (IFCC mmol/mol và NGSP %) trong máu toàn phần của người sử dụng trên hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao trao đổi ion (HPLC). Thành phần: 1 bộ chứa đầy đủ các thành phần cho 400 xét nghiệm, bao gồm 02 bình chất đệm Buffer 1 chứa 2000ml Bis-Tris/Phosphate, 01 bình chất đệm Buffer 2 chứa 1000 ml Bis-Tris/Phosphate, 01 bình chất rửa pha loãng chứa 1600 ml nước khử ion, cột phân tích xử lý được 400 xét nghiệm kích thước 4.0 mm ID x 40 mm, 01 đĩa mềm, 01 đĩa CD ROM, 01 bộ chất hiệu chuẩn/pha loãng, 01 bộ máu mỗi, 01 bộ ống mẫu (50 ống 1.5 ml) và 01 cuộn giấy in	10	Bộ
10.	Hóa chất định lượng HbA1c dùng cho hệ thống phân tích Hemoglobin tự động	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm đại tháo đường, 2 mức nồng độ - Thành phần: máu toàn phần của người, dạng đông khô - Bao gồm 2 mức nồng độ với các xét nghiệm Hemoglobin (Total), Hemoglobin A1C, Hemoglobin F - Có giá trị tham chiếu cho các máy HPLC và máy sinh hoá phổ biến - Độ ổn định sau khi hoàn nguyên 7 ngày ở 2-8 °C - Hạn sử dụng 3 năm kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở 2 - 8 °C.	10	Lọ
11.	Vật liệu kiểm soát 2 mức nồng độ xét nghiệm định lượng Hemoglobin (Total Glycated), Hemoglobin (Total), Hemoglobin A1, Hemoglobin A1C, Hemoglobin F	Chai cây máu cấu tạo bằng polycarbonate, nắp màu xanh, chứa 30ml môi trường và 1.6g hạt polime hấp phụ, phát hiện vi khuẩn hiếu khí và kỵ khí tùy tiện từ máu và dịch vô khuẩn của cơ thể, sử dụng với hệ thống cây máu BacT/ALERT	1000	Chai
12.	Chai cây máu tự động hiếu khí nắp xanh	Chai cây máu cấu tạo bằng polycarbonate nắp màu cam, chứa 40ml môi trường và 1.6g hạt polime hấp phụ, phát hiện vi khuẩn kỵ khí từ máu và dịch vô khuẩn của cơ thể, sử dụng với hệ thống cây máu BacT/ALERT	600	Chai
13.	Chai cây máu kỵ khí nắp cam	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 250ml, Lugol chai 250ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 250ml và Safranin chai 250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 4 chai x 250ml có vòi bơm tiện dụng	20	Hộp
14.	Bộ nhuộm gram	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbo Fuchsin chai 250ml, Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) chai 250ml và Methylene Blue chai 250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 3 chai x 250ml có vòi bơm tiện dụng	4	Hộp
15.	Bộ nhuộm Ziehl-Neelsen	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc, đặc biệt là Neisseria spp. và Haemophilus. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Defibrinated sheep blood, Agar, Multivitox, pH: 7.3 ± 0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	1000	Đĩa
17.	Blood Agar Base + 5% Sheep Blood	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường sử dụng để nuôi cấy và thử tính chất tan máu của các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Sheep blood, Agar, pH: 7.3±0.2 ở 25°C	2000	Đĩa

		Đóng gói: 10 đĩa/Hộp				
18.	Môi trường Muller hinton	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật không khô mọc. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Acid Digest of Casein, Beef Extract, Starch, Agar, Sodium chloride; pH: 7.3±0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	200		Đĩa	
19.	Mueller Hinton + 5% Sheep Blood	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật khó mọc. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Acid Digest of Casein, Beef Extract, Starch, Agar, Sodium chloride, Sheep Blood, pH: 7.3±0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	200		Đĩa	
20.	Môi trường trypticase soy 5% Sheep Blood	Môi trường nuôi cấy vi sinh vật chứa: Casein peptone (bovine), Soy peptone, Sodium chloride, Agar, Blood (sheep), Purified water, pH 7.3 Đạt tiêu chuẩn ISO	100		Đĩa	
21.	Etest Meropenem	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Meropenem nồng độ 0,002-32 µg/ml, 30 thanh/hộp	1		Hộp	
22.	Etest Cefotaxim	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Cefotaxime nồng độ 0.002-32 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ	1		Hộp	
23.	Etest Vancomycin	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Vancomycin nồng độ 0,016-256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ Qui cách đóng gói: 30 thanh/hộp	1		Hộp	
24.	Túi ủ kỵ khí	Bộ kit tạo khí trường cho vi khuẩn kỵ khí, gồm: 20 túi nhựa, 20 túi tạo khí trường kỵ khí Đạt tiêu chuẩn ISO	1		Hộp	
25.	Thanh chỉ thị kỵ khí	Thanh chỉ thị kỵ khí có 1 đầu màu xanh tâm thuốc nhuộm xanh methylen và chất khử Đạt tiêu chuẩn ISO	1		Hộp	
26.	API 20 E	Thanh định danh trực khuẩn đường ruột và các trực khuẩn Gram âm khác, gồm 20 giếng chứa các hóa chất đông khô	2		Hộp	
27.	API 20 NE	Thanh định danh trực khuẩn ngoại đường ruột, để mọc, gồm 20 giếng chứa các hóa chất đông khô và 7ml môi trường AUX. Đạt tiêu chuẩn ISO	2		Hộp	
28.	API 20 STREP	Thanh định danh liên cầu và cầu khuẩn đường ruột, gồm 20 giếng chứa hóa chất đông khô và 2ml môi trường API GP. Đạt tiêu chuẩn ISO	2		Hộp	
29.	API 20 STAPH	Thanh định danh các loài vi khuẩn thuộc giống Staphylococcus, Micrococcus và Kocuria, gồm 20 giếng chứa các hóa chất đông khô và 6ml môi trường API Staph. Đạt tiêu chuẩn ISO	2		Hộp	
30.	API 20 NH	Thanh định danh Neisseria, Haemophilus gồm 10 giếng nhỏ chứa các hóa chất đông khô và 2 ml môi trường NaCl 0.85%.	1		Hộp	
31.	Hóa chất đi kèm API 20 E, 20 NE (API 20E Reagent kit)	Hóa chất định danh 20E gồm 6 hóa chất JAMES, NIT1, NIT2, VP1, VP2, TDA. Đạt tiêu chuẩn ISO	3		Hộp	
32.	Hóa chất đi kèm API 20 E, 20 NE (API MINERAL OIL)	Dầu khoáng	3		Hộp	
33.	Hóa chất đi kèm API 20 Strep (NIN)	Ống 5ml chứa Ninhydrin, Methanol, Dimethylsulfoxide. Đạt tiêu chuẩn ISO	3		Hộp	

34.	Hóa chất đi kèm API 20 Strep (ZYM B)	Ống 5ml chứa Methanol và Dimethylsulfoxide. Đạt tiêu chuẩn ISO	4	Hộp
35.	Hóa chất đi kèm API 20 Strep (ZYM A)	Ống 8ml chứa Tris-hydroxymethyl-aminomethane, Hydrochloric acid, Natri lauryl sulfate. Đạt tiêu chuẩn ISO	4	Hộp
36.	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương GP	Thẻ định danh Gram dương sử dụng với máy VITEK 2 để định danh các vi sinh vật Gram dương Thẻ gồm 43 thử nghiệm sinh hóa Đạt tiêu chuẩn ISO	16	Hộp
37.	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm GN	Thẻ định danh Gram âm sử dụng với máy VITEK 2 để định danh trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men Thẻ gồm 47 thử nghiệm sinh hóa Đạt tiêu chuẩn ISO	16	Hộp
38.	Thẻ định danh cho Neisseria/ Haemophilus NH	Thẻ định danh Neisseria-Haemophilus sử dụng với máy VITEK 2 để định danh vi khuẩn khó mọc Thẻ gồm 30 thử nghiệm sinh hóa Đạt tiêu chuẩn ISO	1	Hộp
39.	Thẻ định danh vi khuẩn kỵ khí và Corynebacteria ANC	Thẻ định danh vi khuẩn kỵ khí và Corynebacteria sử dụng với máy VITEK 2 để định danh vi sinh vật kỵ khí và các loài Corynebacterium Thẻ gồm 36 thử nghiệm sinh hóa Đạt tiêu chuẩn ISO	1	Hộp
40.	Thẻ định danh cho Nấm YST	Thẻ định danh nấm men sử dụng với máy VITEK 2 để định danh nấm men và các vi sinh vật tương tự nấm men	1	Hộp
41.	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương AST - GP67	Thẻ làm kháng sinh đồ Gram dương dùng với máy VITEK 2 Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh Đạt tiêu chuẩn ISO	18	Hộp
42.	Thẻ kháng sinh đồ Liên cầu AST - ST03	Thẻ làm kháng sinh đồ Streptococcus dùng với máy VITEK 2 Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh Đạt tiêu chuẩn ISO	4	Hộp
43.	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm AST - N428	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm	18	Hộp
44.	Thẻ kháng sinh đồ Nấm AST - YS08	Thẻ làm kháng sinh đồ nấm dùng với máy VITEK 2 Mỗi thẻ chứa các kháng nấm chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh Đạt tiêu chuẩn ISO	2	Hộp
45.	Nước muối 0.45% pha huyền dịch vi khuẩn (Saline 0.45%)	Nước muối 0.45% dùng với máy VITEK 2	40	Túi
46.	Ống tủy 12 x 75 mm pha	Ống nghiệm bằng nhựa trong (polystyrene) 12 mm x 75 mm dùng một lần sử dụng với máy VITEK 2	2	Hộp

	huyền dịch vi khuẩn			
47.	Penicilline	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Penicillin G có nồng độ 10 units - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
48.	Amoxycillin+A.clavulanic	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Amoxycillin/Clavulanic acid có nồng độ 20/10 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
49.	Oxacilline	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Oxacillin có nồng độ 1 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
50.	Cefuroxime	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Cefuroxime có nồng độ 30 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
51.	Piperacillin	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Piperacillin có nồng độ 30 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
52.	Ceftazidime	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Ceftazidime có nồng độ 30 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
53.	Cefotaxime	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh Thermo Scientific™ Oxoid™ được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Cefotaxime có nồng độ 30µg 	1	Hộp

		<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 		
54.	Ceftriaxone	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Ceftriaxone có nồng độ 30 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
55.	Cefoxitin	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Cefoxitin có nồng độ 30 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
56.	Piperracillin- Tazobactam	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Piperacillin/tazobactam có nồng độ 110 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
57.	Fosformycin	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Fosformycin /trometamol có nồng độ 200 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
58.	Vancomycin	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Vancomycin có nồng độ 30 µg. - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
59.	Clindamycin	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Clindamycin có nồng độ 2 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
60.	Doxycycline	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. 	1	Hộp

	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Doxycycline có nồng độ 30 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 		
61.	Ciprofloxacin <ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Ciprofloxacin có nồng độ 5 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
62.	Levofloxacin <ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Levofloxacin có nồng độ 5 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
63.	Gentamycine <ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Gentamicin có nồng độ 10 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
64.	Nitrofurantoin <ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Nitrofurantoin có nồng độ 300 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
65.	Tetracycline <ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Tetracycline có nồng độ 30 µg. - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
66.	Amikacine <ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Amikacin có nồng độ 30µg. - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 	1	Hộp

67.	Azithromycin	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Azithromycin có nồng độ 15 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
68.	Imipenem	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Imipenem có nồng độ 10 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
69.	Trimethoprim-sulfamethoxazol	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Trimethoprim/sulphamethoxazole 1:19 có nồng độ 25 µg." - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
70.	Linezolid	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Linezolid có nồng độ 30 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
71.	Tobramycin	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh Thermo Scientific™ Oxoid™ được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Tobramycin có nồng độ 10 µg. - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
72.	Ertapenem	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh Thermo Scientific™ Oxoid™ được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Ertapenem có nồng độ 10 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
73.	Treptomycin	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh Thermo Scientific™ Oxoid™ được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm 	1	Hộp

		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy được tẩm Streptomycin có nồng độ 300 µg. - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 		
74.	Moxifloxacin	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Moxifloxacin có nồng độ 5 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
75.	Quinupristin/Dalfopristin	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Quinupristin/dalfopristin có nồng độ 15µg. - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
76.	Tigecycline	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Tigecycline có nồng độ 15 µg. - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
77.	Rifampicin	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Rifampicin có nồng độ 5µg. - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
78.	Cefepime	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Cefepime có nồng độ 30 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
79.	Norfloxacin	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Norfloxacin có nồng độ 10 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp

80.	Test Oxidase	Sử dụng để phát hiện sự hiện diện của enzyme oxidase	1	Hộp
81.	Môi trường SS agar	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường chọn lọc phân biệt dùng để phân lập Salmonella và các chủng Shigella từ bệnh phẩm lâm sàng và thực phẩm - Môi trường dạng bột mịn, màu hồng rom - Thành phần (g/l): 'Lab-Lemco' powder 5, Peptone 5, lactose 10, Bile salts 8.5, Sodium citrate 10, Sodium thiosulphate 8.5, Ferric citrate 1, Brilliant green 0.00033, Neutral red 0.025, agar 15 - pH 7.0 ± 0.2 tại 25°C - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương 	1	Hộp
82.	Môi trường Blood Agar Base	<p>"Môi trường thạch máu là môi trường đa năng được dùng để tăng sinh các vi khuẩn gây bệnh và không gây bệnh."</p> <p>Khi không thêm chất bổ sung, có thể sử dụng để bảo quản chủng vi sinh vật trong thời gian ngắn</p> <p>"Khi bổ sung huyết thanh và yếu tố tăng trưởng, môi trường có thể được dùng để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc."</p> <p>"Khi bổ sung máu, môi trường có thể được dùng để xác định các phản ứng tan huyết vốn là tiêu chí chẩn đoán quan trọng cho nhiều loài vi sinh vật."</p> <p>Môi trường dạng bột, màu rom</p> <p>Thành phần (g/l): 'Lab-lemco' powder 10.0, Peptone Neutralised 10.0, Sodium chloride 5.0, agar 15.0</p> <p>pH: 7.3 ± 0.2</p> <p>Bảo quản: 10-30°C</p> <p>Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485</p>	2	Hộp
83.	T.C.B.S Agar	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường phân lập chọn lọc các Vibrio gây bệnh - Môi trường hoàn chỉnh, không cần bổ sung thêm phụ gia hoặc máu vô trùng - Môi trường dạng bột mịn, màu rom/xanh lá - Thành phần (g/l): Yeast extract 5, Bacteriological peptone 10, Sodium thiosulphate 10, Sodium citrate 10, Ox Bile 8, Sucrose 20, Sodium chloride 10, Ferric citrate 1, Bromothymol blue 0.04, Thymol blue 0.04, agar 14 - pH 8.6 ± 0.2 tại 25°C - Đóng gói: Hộp/500g - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
84.	Cary blair Transport medium	<p>Cary-Blair Medium là một môi trường vận chuyển để thu thập và vận chuyển các bệnh phẩm lâm sàng</p> <p>Hàm lượng dinh dưỡng thấp của môi trường và việc sử dụng phosphate làm chất đệm thay vì sodium glycerophosphat, ngăn chặn sự phát triển quá mức của vi khuẩn Escherichia coli, Citrobacter freundii và Klebsiella aerogenes"</p> <p>Môi trường vận chuyển vi sinh vật Gram âm và kỵ khí.</p> <p>Môi trường dạng bột, màu trắng nhạt</p> <p>Thành phần (g/l): Disodium hydrogen phosphate 1.1, Sodium thioglycollate 1.5, Sodium chloride 5.0, Calcium chloride 0.09, Agar 5.6</p>	1	Hộp

		<p>pH: 8.4 ± 0.2 tại 25°C Bảo quản: 10-30°C Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485</p>		
85.	Plate count agar	<p>Môi trường để đếm các sinh vật sống trong thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và mẫu nước Thành phần: Tryptone 5.0, Yeast extract 2.5, Glucose 1.0, Agar 9.0 Môi trường dạng bột, màu rom pH 7.0 ± 0.2 25°C Bảo quản: 10-30°C Đóng gói: Hộp/500g Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485</p>	2	Hộp
86.	Sabouraud agar	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường pH axit để phân lập nấm da, các loại nấm và nấm men khác - Môi trường cũng thường được sử dụng với kháng sinh để phân lập nấm gây bệnh từ các vật liệu chứa một lượng lớn nấm hoặc vi khuẩn. - Môi trường dạng bột mịn, màu rom <p>Thông số kỹ thuật - Thành phần (g/l): Mycological peptone 10.0, Glucose (dextrose) 40.0, Agar 15.0 - pH 5.6 ± 0.2 tại 25°C - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485</p>	1	Hộp
87.	Môi trường Muller hinton	<p>Môi trường thử nghiệm nhạy cảm kháng sinh có thể được sử dụng trong các qui trình tiêu chuẩn được quốc tế công nhận. Môi trường tiêu chuẩn cho phương pháp Bauer-Kirby và được qui định bởi CLSI, NCCLS, EUCAST Môi trường dạng bột mịn, màu rom Thành phần (g/l): Beef, dehydrated infusion from 300.0, Casein hydrolysate 17.5, Starch 1.5, Agar 17.0 pH: 7.3 ± 0.1 tại 25°C Bảo quản: 10-30°C Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485</p>	2	Hộp
88.	Môi trường Brilliance™ UTI	<p>Brilliance™ UTI Agar (dạng Chomogenic UTI Agar) là môi trường nuôi cấy tạo màu để định danh sơ bộ và phân biệt/ xác định tất cả vi sinh vật chính gây ra nhiễm trùng đường tiết niệu (UTIs).</p>	1	Hộp
89.	Môi trường macconkey	<p>Một môi trường chọn lọc phân biệt đặc biệt giữa coliforms và các vi khuẩn không lên men lactose với sự ức chế của vi khuẩn Gram dương. Môi trường phù hợp để phát hiện và định lượng coliform cũng như để phát hiện và phân lập các loài Salmonella và Shigella xuất hiện trong các mẫu bệnh phẩm và thực phẩm. Môi trường này giúp cải thiện sự khác biệt giữa coliform và các sinh vật lên men không lactose trong khi các cầu khuẩn Gram dương bị ức chế hoàn toàn. Môi trường dạng bột mịn, màu rom Thành phần (g/l): Peptone 20.0, Lactose 10.0, Bile salts No.3 1.5, Sodium chloride 5.0, Neutral red 0.03, Crystal violet 0.001, Agar 15.0 pH: 7.1 ± 0.2 tại 25°C Bảo quản: 10-30°C</p>	1	Hộp

	<p>Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485</p> <p>Môi trường lỏng đa năng phù hợp cho nuôi cấy streptococci, Neisseria và những vi khuẩn khó mọc khác. Môi trường này được khuyến nghị dành cho nuôi cấy máu và với những chất bổ sung dùng để phân lập và nuôi cấy vi nấm gây bệnh.</p> <p>Môi trường dạng bột mịn, màu rom</p> <p>Thành phần (g/l): Brain infusion solids 12.5, Beef heart infusion solids 5.0, Proteose peptone 10.0, Glucose 2.0, Sodium chloride 5.0, Disodium phosphate 2.5</p> <p>pH: 7.4 ±0.2 tại 25°C</p> <p>Bảo quản: 10 - 30°C</p> <p>Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485</p>	1	Hộp
90. Canh thang BHI broth	<p>Chủng chuẩn nấm Candida albicans ATCC 90028</p> <p>- Culti Loop là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định</p> <p>- Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ấm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm trong 10-15 giây. Không cần bù nước</p> <p>- Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc</p> <p>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485.</p> <p>Que cấy chủng chuẩn Candida albicans ATCC® 90028™*</p> <p>- Đóng gói: Hộp/5 que</p> <p>- Bảo quản: 2-8°C</p>	1	Hộp
91. Chủng chuẩn nấm Candida albicans ATCC 90028	<p>Staphylococcus saprophyticus ATCC® BAA™ 750</p> <p>- Culti Loop là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định</p> <p>- Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ấm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm trong 10-15 giây. Không cần bù nước</p> <p>- Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc</p> <p>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485.</p> <p>Que cấy chủng chuẩn Staphylococcus saprophyticus ATCC® BAA-750™*</p> <p>- Đóng gói: Hộp/5 que</p> <p>- Bảo quản: 2-8°C</p>	1	Hộp
92. Staphylococcus aureus ATCC® 29213	<p>Staphylococcus aureus ATCC® 29213</p> <p>- Culti Loop là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định</p> <p>- Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ấm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm trong 10-15 giây. Không cần bù nước</p> <p>- Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc</p> <p>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485.</p> <p>Que cấy chủng chuẩn Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC® 29213™*</p> <p>- Đóng gói: Hộp/5 que</p> <p>- Bảo quản: 2-8°C</p>	1	Hộp
93. Staphylococcus aureus ATCC® 25923	<p>Staphylococcus aureus ATCC® 25923</p> <p>- Culti Loop là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định</p> <p>- Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ấm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm trong 10-15 giây. Không cần bù nước</p> <p>- Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc</p> <p>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485.</p> <p>Que cấy chủng chuẩn Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC® 29213™*</p> <p>- Đóng gói: Hộp/5 que</p> <p>- Bảo quản: 2-8°C</p>	1	Hộp
94. Staphylococcus aureus ATCC® 25923	<p>Staphylococcus aureus ATCC® 25923</p> <p>- Culti Loop là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định</p> <p>- Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ấm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm</p>	1	Hộp

		<p>trong 10-15 giây. Không cần bù nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi que cây được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. <p>Que cấy chủng chuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> subsp. <i>aureus</i> ATCC® 25923™*</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói: Hộp/5 que - Bảo quản: 2-8°C <p>- Culti Loop là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ấm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm trong 10-15 giây. Không cần bù nước - Mỗi que cây được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. <p>Que cấy chủng chuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> subsp. <i>aureus</i> ATCC® BAA-976™*</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói: Hộp/5 que - Bảo quản: 2-8°C 	1	Hộp
95.	<i>Staphylococcus Aureus</i> ATCC® BAA™ 976			
96.	<i>Enterococcus faecalis</i> ATCC 29212	<p>- Culti Loop là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ấm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm trong 10-15 giây. Không cần bù nước - Mỗi que cây được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. <p>Que cấy chủng chuẩn <i>Enterococcus faecalis</i> ATCC® 29212™*</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói: Hộp/5 que - Bảo quản: 2-8°C 	1	Hộp
97.	<i>Escherichia Coli</i> ATCC® 35218	<p>- Culti Loop là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ấm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm trong 10-15 giây. Không cần bù nước - Mỗi que cây được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. <p>Que cấy chủng chuẩn <i>Escherichia coli</i> ATCC® 35218™*</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói: Hộp/5 que - Bảo quản: 2-8°C 	1	Hộp
98.	<i>Escherichia Coli</i> ATCC® 25922	<p>- Culti Loop là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ấm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm trong 10-15 giây. Không cần bù nước - Mỗi que cây được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. <p>Que cấy chủng chuẩn <i>Escherichia coli</i> ATCC® 25922™*</p>	1	Hộp

	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói: Hộp/5 que - Bảo quản: 2-8°C 	<ul style="list-style-type: none"> - Culti Loop là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định - Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ấm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm trong 10-15 giây. Không cần bù nước - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. - Que cấy chủng chuẩn <i>Pseudomonas aeruginosa</i> ATCC® 27853™* 	1	Hộp
99.	<p><i>Pseudomonas aeruginosa</i> ATCC® 27853</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói: Hộp/5 que - Bảo quản: 2-8°C 	1	Hộp
100.	<p><i>Stenotrophomonas maltophilia</i> ATCC 17666</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Culti Loop là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định - Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ấm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm trong 10-15 giây. Không cần bù nước - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. - Que cấy chủng chuẩn <i>Stenotrophomonas maltophilia</i> ATCC® 17666™* 	3	Hộp
101.	<p><i>Enterococcus casseliflavus</i> ATCC 700327</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói: Hộp/5 que - Bảo quản: 2-8°C 	2	Hộp
102.	<p><i>Enterobacter hormaechei</i> ATCC 700323</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Culti Loop là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định - Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ấm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm trong 10-15 giây. Không cần bù nước - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. - Que cấy chủng chuẩn <i>Enterobacter hormaechei</i> ATCC® 700323™* 	1	Hộp
103.	<p><i>Streptococcus pneumoniae</i> ATCC 49619</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói: Hộp/5 que - Bảo quản: 2-8°C 	1	Hộp

		<ul style="list-style-type: none"> - Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ẩm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm trong 10-15 giây. Không cần bù nước - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. Que cấy chủng chuẩn <i>Streptococcus pneumoniae</i> ATCC® 49619™* - Đóng gói: Hộp/5 que - Bảo quản: 2-8°C 	1	Hộp
104.	<i>Salmonella typhimurium</i> ATCC 14028	<ul style="list-style-type: none"> - Culti Loop là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định - Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ẩm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm trong 10-15 giây. Không cần bù nước - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. Que cấy chủng chuẩn <i>Salmonella enterica</i> subsp. <i>enterica</i> serovar <i>Typhimurium</i> ATCC® 14028™* - Đóng gói: Hộp/5 que - Bảo quản: 2-8°C 	1	Hộp
105.	<i>Streptococcus pneumoniae</i> ATCC 6305	<ul style="list-style-type: none"> - Culti Loop là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định - Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ẩm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm trong 10-15 giây. Không cần bù nước - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. Que cấy chủng chuẩn <i>Streptococcus pneumoniae</i> ATCC® 6305™* - Đóng gói: Hộp/5 que - Bảo quản: 2-8°C 	1	Hộp
106.	<i>Eikenella corrodens</i> ATCC BAA 1152	<ul style="list-style-type: none"> - Culti Loop là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định - Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ẩm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm trong 10-15 giây. Không cần bù nước - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. Que cấy chủng chuẩn <i>Eikenella corrodens</i> ATCC® BAA-1152™* - Đóng gói: Hộp/5 que - Bảo quản: 2-8°C 	1	Hộp
107.	<i>Erythromycine</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Erythromycin có nồng độ 30 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp

108.	Clarithromycin	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Clarithromycin có nồng độ 15 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
109.	Ampicillin	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Ampicillin có nồng độ 10 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
110.	Ampicillin/sulbactam	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kĩ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Ampicillin/Sulbactam có nồng độ 20 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 	1	Hộp
111.	Đĩa Petri nhựa vô khuẩn	Đĩa bằng nhựa, 9x1,5 cm	3000	Cái
112.	Que cấy vi sinh bằng nhựa 1ul	Que cấy bằng nhựa, đầu tròn, dung tích 1ul	1000	Cái
113.	Que cấy vi sinh bằng nhựa 10ul	Que cấy bằng nhựa, đầu tròn, dung tích 10ul	1000	Cái
114.	Que cấy vi sinh bằng kim loại	Vòng cấy bằng kim loại, không cán. Gắn vào cán sẽ thành vòng cấy định lượng hoàn chỉnh	20	Cái
115.	Đèn cồn	Thân đèn làm bằng thủy tinh, dùng để chứa cồn	10	Cái
116.	Reagent Module	<p>Hoá chất xét nghiệm khí máu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 550mL Calibrant A Solution- Dung dịch Calibrant A 550 ml. Thành phần: 7.3-7.50 pH, 6-8% CO₂, 21-25% O₂, Buffer, Chất bảo quản, và wetting agent - 300mL Calibrant B Solution - Dung dịch Calibrant B 300 ml. Thành phần: 6.8-7.00 pH, 11-14% CO₂, 0% O₂, Buffer, Chất bảo quản, và wetting agent - 700mL Rinse Solution - Dung dịch hệ thống 700 ml. Thành phần: Buffer, Chất bảo quản, và wetting agent - Waste container - Bình đựng chất thải 	8	Hộp
117.	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm khí máu và điện giải	<p>Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên các máy xét nghiệm điện giải, khí máu</p> <p>Thành phần 1 hộp gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Daily Cleaner Diluent- Pha loãng rửa hàng ngày: 1 lọ 90 ml, HCl (0,1N) và muối - Daily Cleaner Powder - Chất rửa hàng ngày dạng bột: 6 lọ, pepsin 0.5g 	8	Hộp
118.	Vật liệu kiểm soát mức 1	Hoá chất kiểm chuẩn chất lượng mức 1 EasyQC Level 1 dùng cho máy phân tích khí máu Thành phần:	1	Hộp

	xét nghiệm định lượng các thông số khí máu và điện giải	EasyQC Level 1 chứa đệm bicarbonate, dung dịch electrolyte cân bằng O ₂ , CO ₂ , không chứa chất bảo quản và không chứa các thành phần có nguồn gốc từ người. Quy cách: 30 ống (ampules) x 1.7mL/hộp.		
119.	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số khí máu và điện giải	Hoá chất kiểm chuẩn chất lượng mức 2 EasyQC Level 2 dùng cho máy phân tích khí máu Thành phần: EasyQC Level 2 chứa đệm bicarbonate, dung dịch electrolyte cân bằng O ₂ , CO ₂ , không chứa chất bảo quản và không chứa các thành phần có nguồn gốc từ người. Quy cách: 30 ống (ampules) x 1.7mL/hộp.	1	Hộp
120.	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng các thông số khí máu và điện giải	Hoá chất kiểm chuẩn chất lượng mức 3 EasyQC Level 3 dùng cho máy phân tích khí máu Thành phần: EasyQC Level 3 chứa đệm bicarbonate, dung dịch electrolyte cân bằng O ₂ , CO ₂ , không chứa chất bảo quản và không chứa các thành phần có nguồn gốc từ người. Quy cách: 30 ống (ampules) x 1.7mL/hộp.	1	Hộp
121.	ASLO	Xét nghiệm phản ngưng kết latex nhanh để xác định tính và bán định lượng antistreptolysin - O trong huyết thanh người của các bệnh liên cầu hô hấp	2	Hộp
122.	Hồng cầu mẫu	Dùng hồng cầu mẫu đã biết trước kháng nguyên cho phản ứng với huyết thanh của bệnh nhân để xác định kháng thể trong huyết thanh, từ đó xác định nhóm máu của bệnh nhân	5	Kit
123.	Lam kính	Dùng đựng mẫu xét nghiệm 25.4 x 76.2mm (1 x 3) 1mm -1.2mm Thick	75	Hộp
124.	Hexanios	6,5% Didecylidimethyl ammonium chloride + 0,074% Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt, làm sạch và khử nhiễm dụng cụ y tế. pH trung tính, trong thích tốt với dụng cụ. Thích hợp với nước cứng. Ngăn hình thành màng biofilm theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883-5:2005. Diệt vi khuẩn theo tiêu chuẩn EN 14561, diệt các chủng vi khuẩn đa kháng như MRSA, ESBL, VRE theo tiêu chuẩn EN 13727+A1 trong 15 phút. Diệt virus HIV-1, HBV, HCV, HSV, Vaccinia theo tiêu chuẩn châu Âu EN 14476 + A1 trong 5 phút. Nồng độ sử dụng 0,5%.	5	Can
125.	Cidex Opa	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALADEHYDE 0,55%, pH 7.2 - 7.8 Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp. Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate), có que thử, dùng được 75 ngày sau khi mở nắp bình. Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, Trùng khuẩn lao (Mycobacterium bovis). Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt. Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy. Có chứng nhận tương thích của các hãng sản xuất dụng cụ nội soi (Olympus, Pentax, GE, Karl Storz.) Đạt các tiêu chuẩn: EC, ISO 13485, CFS	5	Can
126.	Đè lưới gỗ	Đạt các tiêu chuẩn: EC, ISO 13485, CFS	210	Hộp
127.	Kim tiêm tê loại dài (nha khoa)	Kim sắc bén, cỡ kim 27G, dài 21mm	1500	Cái
128.	Macrocel tai	Miếng cảm máu tai. Chiều dài: 2,4cm; Đường kính: 1,2 cm.	150	Cái
129.	Macrocel mũi	Miếng cảm máu mũi. Chiều dài: 8cm; Độ dày: 1,5cm; Chiều cao: 2cm. Mô tả: loại chỉ nhỏ.	300	Cái

130.	Xốp cầm máu	Bông cầm máu tự tiêu, bản chất là bông xốp collagen tan tự nhiên, tương hợp sinh học với cơ thể. Sử dụng cầm máu sau khi nhổ răng	130	Hộp
131.	Chỉ Nylon 3/0	Dùng để khâu vết thương	10	Hộp
132.	Chỉ Nylon 4/0	Dùng để khâu vết thương	15	Hộp
133.	Chỉ Nylon 5/0	Dùng để khâu vết thương	5	Hộp
134.	Chỉ Nylon 6/0	Dùng để khâu vết thương	10	Hộp
135.	Chỉ Nylon 7/0	Dùng để khâu vết thương	17	Hộp
136.	Chỉ Catgut 3/0	Dùng để khâu vết thương	6	Hộp
137.	Chỉ Catgut 4/0	Dùng để khâu vết thương	90	Hộp
138.	Chỉ phẫu thuật tự tiêu đa sợi số 1.0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1 dài 90cm, kim tròn đầu tròn 40mm, 1/2C	1	Hộp
139.	Chỉ phẫu thuật tự tiêu đa sợi số 2.0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0 dài 75cm, kim taper point plus 26mm, 1/2C	1	Hộp
140.	Chỉ phẫu thuật tự tiêu đa sợi số 3.0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn 20mm, 1/2C	13	Hộp
141.	Chỉ phẫu thuật tự tiêu đa sợi số 4.0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn 17mm, 1/2C	21	Hộp
142.	Chỉ phẫu thuật tự tiêu đa sợi số 5.0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 5/0 dài 45 cm, 2 kim đầu hình thang dài 11mm, 3/8C	4	Hộp
143.	Chỉ phẫu thuật tự tiêu đa sợi số 6.0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 6/0 dài 45 cm, 2 kim đầu hình thang dài 8mm, 1/4C	4	Hộp
144.	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi số 3	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, kim làm bằng thép không gỉ phủ silicon.	3	Hộp
145.	Chỉ Dafilon 4/0(Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi số 4)	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, kim làm bằng thép không gỉ phủ silicon.	4	Hộp
146.	Chỉ Dafilon 6/0 (Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi số 6)	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, kim làm bằng thép không gỉ phủ silicon.	3	Hộp
147.	Ống thổi đo CNHH	Đường kính 24mm, cao 75mm	6	Hộp
148.	Filter lọc khuẩn dùng đo CNHH	Được làm từ Polymer y tế, với đầu nối tiêu chuẩn. Vật liệu lọc khuẩn là sợi polypropylene tinh điện chất lượng cao, là vật liệu kỵ nước, không tốt cho sự phát triển của nấm, vi khuẩn và virus.. Đường kính trong và đường kính ngoài đầu cắm vào máy, đường kính ngoài ống ngâm cho bệnh nhân tương thích với từng loại máy khác nhau.	5	Cái
149.	Bột bó thạch cao Cờ 10cm*2,7m	Làm từ bột thạch cao liên gạc (Thạch cao $\geq 97\%$, gạc 100% cotton). Vò là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Bột đảm bảo độ cứng, độ	20	Túi

		trắng, độ mịn. Thời gian đông kết từ 2-4 phút		
150.	Bột bó thạch cao Cờ 1.5cm*4,6m	Làm từ bột thạch cao liên lạc (Thạch cao $\geq 97\%$, gạc 100% cotton). Vò là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn. Thời gian đông kết từ 2-4 phút	20	Túi
151.	Dầu parafin	Dầu parafin, dung dịch lỏng trong, không màu, không mùi	6	Chai
152.	Hexanios	6,5% Didecylidimethyl ammonium chloride + 0,074% Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt. làm sạch và khử nhiễm dụng cụ y tế. pH trung tính, tương thích tốt với dụng cụ. Thích hợp với nước cứng. Ngăn hình thành màng biofilm theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883-5:2005. Diệt vi khuẩn theo tiêu chuẩn EN 14561, diệt các chủng vi khuẩn đa kháng như MRSA, ESBL, VRE theo tiêu chuẩn EN 13727+A1 trong 15 phút. Diệt virus HIV-1, HBV, HCV, HSV, Vacinia theo tiêu chuẩn châu Âu EN 14476 + A1 trong 5 phút. Nồng độ sử dụng 0,5%.	15	Chai
153.	Que tăm bông lấy dịch	Mỗi que đựng riêng trong từng ống nhựa, được tiệt trùng bằng khí EO. Dài tối đa 18cm Thân que được làm bằng gỗ, một đầu gắn chặt với nắp ống, 1 đầu cuốn bông	5000	Cái
154.	Que gỗ Spatula	Nắp ống màu đỏ được làm bằng nhựa PP chính phẩm	22	Hộp
155.	Mỏ vệt nhựa	Sản Phẩm được làm bằng gỗ thông tự nhiên đã trích nhựa, có màu ngà, mùi gỗ thông tự nhiên không ngấm tâm hoa chất, được tiệt trùng hoàn toàn bằng cách chiếu xạ tia Gamma sau khi đã hoàn thành đóng gói. - Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt. Gồm hai phần được nối với nhau bởi các khớp và có khóa, dễ dàng điều chỉnh độ mở, giúp cho tầm quan sát rộng. - Độ cứng cao, trơn, nhẵn không gây tổn thương niêm mạc. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	200	Cái
156.	Vòng tránh thai TCU 380	Vòng tránh thai Pregna+ Tcu 380A là loại dụng cụ tránh thai đặt trong buồng tử cung, được làm bằng polyethylene. Cành đứng (thân dọc) được cuộn dây đồng và mỗi cành ngang được bọc bởi một ống đồng. Tổng diện tích bề mặt của đồng xấp xỉ 380 mm ² . Các cành ngang dễ uốn và được thiết kế để có thể giữ DCTC Pregna+ Tcu 380A nằm sát dưới đáy tử cung mà không tuột xuống hoặc chạm vào súng tử cung. Cơ chế tránh thai của dụng cụ được cho là do một số phản ứng với dị vật ở niêm mạc buồng tử cung và do có sự có mặt của kim loại đồng.	100	Cái
157.	Ống hút điều kính size 5	Sản xuất bằng nhựa PVC dài 22cm, đường kính vòng ngoài của ống 4mm. Ống nhựa trong, mềm dẻo. Đầu hút trong láng không bavia. Các số: 4, 5, 6mm. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	25	Cái
158.	Ống hút điều kính size 6	Sản xuất bằng nhựa PVC dài 22cm, đường kính vòng ngoài của ống 4mm. Ống nhựa trong, mềm dẻo. Đầu hút trong láng không bavia. Các số: 4, 5, 6mm. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	20	Cái
159.	Bom Karman	Loại bom hút chân không bằng tay dùng để hút thai, điều hòa kinh nguyệt và sinh thiết nội mạc tử cung - Thể tích ống bom 60cc - Phù hợp với ống hút mềm FC - Khử khuẩn ở mức độ cao chlorine, glutaraldehyde	2	bộ
160.	Hoá chất khử khuẩn thiết bị	0,05% Didecylidimethylammonium Chloride + 0,06% Polyhexamethylene biguanide Chlorhydrate 1. Khử khuẩn nhanh các bề mặt, trang thiết bị phòng mổ, khu vực có nguy cơ cao, phòng thay băng,	100	chai

	máy móc Aniospray 29	chăm sóc bệnh nhân, giường bệnh, băng ca, xe cấp cứu... Diệt khuẩn (MRSA, ESBL) theo tiêu chuẩn EN 13727 trong 5 phút. Diệt virus (H1N1, Rotavirus...) trong 5 phút. Tương thích với hầu hết chất liệu bề mặt và thiết bị.		
161.	Hóa chất lau sàn khử khuẩn SURFANIOS(kpn)	2,5% Didecyl(dimethyl)ammonium chloride + 5,1% N,N Bis (3Aminopropyl) dodecylamine. Dung dịch làm sạch và khử khuẩn sàn nhà và các bề mặt. Thành phần không chứa Aldehyde, không ăn mòn (không chứa chất oxy hóa). Tương thích với nhiều chất liệu bề mặt (có bảng tương thích đi kèm). Diệt khuẩn theo tiêu chuẩn EN 13727 trong 5 phút. Diệt virus HIV, HBV, HCV, HINI trong 5 phút. Diệt Coronavirus trong 15 phút theo tiêu chuẩn EN 14476, Nồng độ pha: 0.25%	20	chai
162.	Hóa chất Cidezime	Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ hoạt tính enzyme, hiệu quả nhanh sau 1 phút. pH trung tính không gây ăn mòn dụng cụ. Tương thích với nhiều loại dụng cụ. Đạt các tiêu chuẩn: EC, ISO, CFS	20	Chai
163.	Hoá chất Aniosyme	14% N,N-Didecyl-N-Methyl-poly(oxyethyl)ammonium propionate + 0,3% Chlorhexidine digluconate. Hỗn hợp 3 enzym: protease, lipase và amylase. Các chất hoạt động bề mặt làm sạch và khử nhiễm đa enzyme (3 enzymes) dụng cụ y tế. Thích hợp với nước cứng. Ngăn hình thành màng biofilm theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883-5:2005. Diệt khuẩn (bao gồm các dòng đa kháng MRSA, ESBL, VRE) tiêu chuẩn châu Âu EN 14561 trong 5 phút. Diệt virus HIV-1, HBV, HCV, HSV, Vacinia theo tiêu chuẩn châu Âu EN 14476 trong 5 phút. Nồng độ sử dụng: 0,5%.	15	Chai
164.	Hóa chất HEXANIOS	6,5% Didecyl(dimethyl) ammonium chloride + 0,074% Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt. làm sạch và khử nhiễm dụng cụ y tế. pH trung tính, tương thích tốt với dụng cụ. Thích hợp với nước cứng. Ngăn hình thành màng biofilm theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883-5:2005. Diệt vi khuẩn theo tiêu chuẩn EN 14561, diệt các chủng vi khuẩn đa kháng như MRSA, ESBL, VRE theo tiêu chuẩn EN 13727+A1 trong 15 phút. Diệt virus HIV-1, HBV, HCV, HSV, Vacinia theo tiêu chuẩn châu Âu EN 14476 + A1 trong 5 phút. Nồng độ sử dụng 0,5%.	15	Can
165.	Hóa chất Cidex 2%	2% Glutaraldehyde, pH=6 khử khuẩn mức độ cao dụng cụ nội soi và các dụng cụ không chịu nhiệt. Dung dịch pha sẵn không cần hoạt hóa. pH = 6. Diệt khuẩn theo tiêu chuẩn EN 14561, diệt nấm theo tiêu chuẩn EN 14562, diệt virus theo tiêu chuẩn EN 14476 +A1 và diệt Mycobacteria theo tiêu chuẩn EN 14563 trong 10 phút. Tái sử dụng trong 30 ngày (tăng kèm test thử để kiểm tra hiệu quả dung dịch).	30	Can
166.	Nước cất 2 lần vô khuẩn can 5 lít	Nước cất tinh khiết không màu, không mùi, không vị	500	Can
167.	Dầu bôi trơn, đánh bóng dụng cụ y tế	Thành phần: Triethanolamine 8%, Ethoxylated Alcohol, Bộ gồm 2 chai 750 ml	2	Bộ
168.	Dung dịch đánh tan gỉ sét dụng cụ y tế	Thành phần: Glycolic Acid 8%, Ethoxylated Alcohol, chai 750 ml, 2 chai/ bộ	12	Bộ
169.	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w); Poly(hexamethylene biguanide) hydrochloride 0,1 % (w/w)	5	Can
170.	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Ethanol 56% (w/w), Isopropanol 18% (w/w), Chlorhexidine Digluconate 0,5 % (w/w).	500	Chai
171.	Thùng ngâm hóa chất cidex	Khay chuyên dụng ngâm dụng cụ để làm sạch hoặc khử khuẩn mức độ cao. Thành phần: Polypropylene tráng thủy tinh	8	Thùng

		Chịu được nhiệt lên tới 1340C			
172.	Test hóa học kiểm soát tiệt trùng bằng hơi nước - 1243A - 3M	Chỉ thị hóa học hơi nước 1243 được sử dụng để giám sát chất lượng tiệt khuẩn bên trong mỗi gói dụng cụ* Bao gồm một bác giấy và một viên hóa chất nhạy cảm với hơi nước và nhiệt độ, tất cả được bao bọc trong 1 lớp giấy/màng phim/ lá kim loại. * Công nghệ di chuyển mực in phía trước, viên hóa chất cháy và chuyển thành màu tối sẫm chạy dọc theo bác giấy. * Dễ đọc kết quả với thiết kế màu sắc sinh động nhìn thấy được qua ô màu xanh lá được đánh dấu "ACCEPT" là đạt hoặc ô màu đỏ được đánh dấu "REJECT" là không đạt. * Mặt sau có màu Trắng / Đỏ: Dễ dàng tìm thấy hơn (ngay cả khi bị lật úp trong khay dụng cụ)* Là chỉ thị tích hợp loại 5 được phân loại theo ISO 11140-1:2014. * Giám sát tất cả 3 biến quan trọng của quá trình tiệt khuẩn: thời gian, nhiệt độ và áp suất (hơi nước). * Hiệu suất tương quan với một chỉ thị sinh học * Sản phẩm không chứa chì* Khuyến nghị sử dụng bởi AORN 2020 : sử dụng bên trong mỗi gói dụng cụ Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFS,... (hoặc tương đương)	2		Túi
173.	3M 1248 Test chỉ thị hóa học H2O2 (Máy tiệt khuẩn plasma)	Là chỉ thị hóa học bên trong gói để xác minh việc dụng cụ tiếp xúc với hydrogen peroxide hóa hơi trong quá trình tiệt khuẩn. Chỉ thị có thanh mực được in trên dải nhựa trắng. Thanh chỉ thị hóa học chuyển từ màu xanh lam sang màu hồng sau khi tiếp xúc với hydrogen peroxide hóa hơi. Cho kết quả chính xác, dễ đọc. Sau khi sử dụng, chỉ thị sẽ không thay đổi màu trong vòng 4 tuần khi được bảo quản đúng điều kiện khuyến nghị trong hướng dẫn sử dụng	8		Túi
174.	Lưỡi dao 11	Dùng để phẫu thuật	14		Hộp
175.	Lưỡi dao 15	Dùng để phẫu thuật	20		Hộp
176.	Lưỡi dao 20	Dùng để phẫu thuật	3		Hộp
177.	Ba chạc không dây nổi	Quản lý thuốc đưa vào tĩnh mạch; Duy trì chất lỏng ở bệnh nhân những người không thể uống. Để kênh hóa chất lỏng thông qua nhiều hơn một dòng đồng thời.	250		Cái
178.	Ba chạc có dây nổi	Quản lý thuốc đưa vào tĩnh mạch; Duy trì chất lỏng ở bệnh nhân những người không thể uống. Để kênh hóa chất lỏng thông qua nhiều hơn một dòng đồng thời.	350		Cái
179.	Băng cuộn y tế 7cm x 2,5m	Kích thước: 7cm x 2,5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Hai đầu cuộn băng bằng, không lách, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.	740		Cuộn
180.	Băng dính lụa 1,25cm x 5m	Băng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng. Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng. Keo Oxyd kềm không dùng dung môi. Kích thước đúng: 1,25cm x 5m.	3188		Cuộn
181.	Băng dính lụa 5cm x 5m	Băng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng. Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng. Keo Oxyd kềm không dùng dung môi. Kích thước đúng: 2,5cm x 5m.	24		Cuộn
182.	Băng dính lụa 2,5x5m	Băng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng. Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng. Keo Oxyd kềm không dùng dung môi. Kích thước đúng: 5cm x 5m.	72		Cuộn
183.	Băng dính Urgo	Băng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng. Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng. Đệm thấm dịch: Màu trắng gồm bông và lớp lưới Polyethylene không gây dính. Keo Oxyd kềm không dùng dung môi. Kích thước đúng: 19mm x 72mm.	527		hộp
184.	Bơm tiêm 1ml	Nhựa y tế nguyên sinh. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Pít tông có khía bé gây dễ hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016; CE	63200		Cái
185.	Bơm tiêm 3ml	Nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khía bé gây dễ hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây	3200		Cái

		sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016; CE		
186.	Bơm tiêm 5ml	Đầu côn hoặc đầu xoắn, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016; CE	127300	Cái
187.	Bơm tiêm 10ml	Đầu côn hoặc đầu xoắn, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016; CE	69000	Cái
188.	Bơm tiêm 20ml	Nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016; CE	18500	Cái
189.	Bơm tiêm 50ml	Nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Đốc nhỏ lắp vừa kim tiêm các số. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016; CE	3050	Cái
190.	Bơm 50ml cho ăn	Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. Núm đẩy có gờ tăng độ ma sát khi tiêm. Gioăng bẻ mặt phẳng, di chuyển dễ dàng, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	1500	Cái
191.	Bông y tế	100% bông xơ tự nhiên có tính thấm hút tốt, đóng gói 1Kg/gói	210	Kg
192.	Cồn 70°	Cồn Ethanol 70 độ, không màu trong suốt, có mùi còn đặc trưng	2540	Chai
193.	Cồn 90°	Cồn Ethanol 90 độ, không màu trong suốt, có mùi còn đặc trưng	535	Chai
194.	Dây garo vải	Sản phẩm được làm bằng thun, chất liệu cao su co giãn tốt, có băng gai dính 2 đầu, miếng băng gai bền chắc, dễ thao tác hoặc có khóa nhựa. Sản phẩm có thể sử dụng lại nhiều lần. Sản phẩm có độ co giãn tốt, các góc cạnh không được sắc, cứng gây gây trầy xước da, dị ứng, làm sưng rất, đỏ đau trong quá trình sử dụng.	230	Cái
195.	Dây nối bơm tiêm điện	Được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC chuẩn y tế, trong suốt, không chứa Latex, không chứa DEHP, dây mềm, dẻo, đàn hồi tốt, chống xoắn - Độ dài dây 150 cm, đường kính ID/OD 3.0/4.0mm và 1.0/2.5mm - Đầu nối khóa ren (lure lock), khóa bảo vệ (cap connector), ống chống xoắn. - Sản phẩm phù hợp với thiết bị tại bệnh viện, được tiệt trùng bằng khí EO 100%. - Hai đầu có khóa vặn xoắn an toàn, chịu áp lực cao - Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận quản lý chất lượng ISO 13485:2016, CE.	450	Cái
196.	Dây oxy 2 nhánh người lớn	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 2.200 mm, thành trong lòng ống dây có hình sao, có tác dụng trống không bị tắc nghẽn khí oxy khi ống dây bị đè bẹp hay bị gãy gấp, một đầu dây được gắn phễu, đầu còn lại được gắn có 2 nhánh mềm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi.	11550	Cái
197.	Dây truyền dịch	- Dây dẫn: Dài ≥ 1500mm, được làm từ nhựa nguyên sinh PVC trắng silicon có độ đàn hồi cao. Chứng nhận đạt không có chất gây tan huyết. Có công tiêm thuốc chữ Y. Đầu nối kim có thiết kế khóa vặn để	64600	Cái

		khóa chặt kim (Luer lock). Van thoát khí (van lọc khí): Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, có thiết kế màng lọc khuẩn 0.2µm vô khuẩn. Bầu đếm giọt dung tích ≥8.5ml. Đường kính ngoài 14.2mm - 14.5mm. Dài 45mm, có thành dày đều: 0.9mm. Có màng lọc dịch 15µm. Kim 2 cánh bướm 23G. Tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)		
198.	Điện cực dán	Hiệu Skintact. Điện cực dán người lớn, loại dùng 1 lần. Gel Aqua-Tac, lớp lót - độ dính Foam, kích thước Ø50x55mm, ứng dụng Short term.	4000	cái
199.	Kim cánh bướm 23G x3/4	- Dây dẫn: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, không gãy gấp khi bảo quản và sử dụng. - Dây dài ≥ 300mm - Cỡ kim 23G x 3/4", 25G x 3/4" và các cỡ khác theo yêu cầu. - Tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	38600	Cái
200.	Kim chọc dò tủy sống 20G	Kim chọc dò, gây tê tủy sống mặt vát, có cánh cầm để kiểm soát tốt hơn, cho phép sử dụng tiện lợiMã hóa máy stylet hub theo size cỡ 18G-27G	100	Cái
201.	Kim lấy thuốc 18G	- Kim: được làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, có nắp chụp bảo vệ. Thân kim nhẵn, tròn đều, có đủ độ cứng cơ khí, không tạp chất bên trong, được phủ Silicone. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế. Đóng gói trong túi riêng, không có độc tố và chất gây sốt, không DEHP (có phiếu phân tích chất lượng). Đạt chứng nhận EN ISO 13485: 2016;	62000	Cái
202.	Kim luồn 18G	kim luồn tĩnh mạch có cánh, có công bơm thuốc bỏ sung	4800	Cái
203.	Kim luồn 20G	kim luồn tĩnh mạch có cánh, có công bơm thuốc bỏ sung	6800	Cái
204.	Kim luồn 22G	kim luồn tĩnh mạch có cánh, có công bơm thuốc bỏ sung	7800	Cái
205.	Kim luồn 24G	kim luồn tĩnh mạch có cánh, có công bơm thuốc bỏ sung	2900	Cái
206.	Găng tay y tế	Chiều dài: 240mm min, hàm lượng bột: 10mg/dm2.Hàm lượng protein: 200µg/dm2. Sau lão hóa: 6N min	137000	Đôi
207.	Găng tay không bột	Chiều dài: 240mm min, hàm lượng bột: 2 mg/dm2.Hàm lượng protein: 2 µg/dm2. Sau lão hóa: 6N min	10000	Đôi
208.	Găng tay phẫu thuật số 7	Chiều dài: 280+/-5 min, hàm lượng bột: 10 mg/dm2.Hàm lượng protein: 200 µg/dm2. Trước lão hóa: 24Mpa min. Sau lão hóa: 18MN min	12900	Đôi
209.	Mask khí dung người lớn	Được làm từ PVC sạch, không độc. Nồng độ cao. Kẹp mũi có thể điều chỉnh được.	1600	Cái
210.	Mask oxy người lớn có túi	Mask Oxy kèm túi size L	400	Cái
211.	Mũ giấy	Mũ phẫu thuật vô trùng 1 cái/ gói	12500	Cái
212.	Mỡ (bôi trơn ống soi)	TETRASODIUM EDTA 0.021% DISODIUM PHOSPHATE 0.045% PROPYLENE GLYCOL 3.75% PROPYL PARABEN 0.04% METHYL PARABEN 0.1% WATER 81.786% GLYCERIN 11.25% NATRASOL 2.133% SODIUM PHOSPHATE 0.875%	440	Tuýp

213.	Nước muối (NaCl 0,9%)	Dùng dịch trong suốt, không màu, không mùi, có vị mặn	3410	Chai
214.	Gạc mét	Gạc hoàn toàn trắng, không được có lơ hoặc có màu phụ để làm trắng	27000	Mét
215.	Sonde cho ăn dạ dày số 18	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 1.250 mm. Một đầu dây được gắn phễu có nắp đậy, đầu còn lại được bo tròn. Có 4 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây. Trên dây có 04 vạch đánh dấu cách đầu bo một khoảng lần lượt là 45cm, 55cm, 65cm, 75cm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO.	850	Cái
216.	Sonde foley 2 nhánh số 16	Dùng cho y tế, sử dụng cho bệnh nhân xả nước tiểu trong thời gian ngắn hoặc đặt cathete	110	Cái
217.	Sonde hậu môn 16-18	Dây dẫn dài ≥ 400 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dây mềm, trên dây có 02 cặp lỗ hình bầu dục đối xứng nhau, một đầu dây được loe hình phễu, đầu còn lại được bo tròn không gây tổn thương cho người sử dụng. - Các số: 22,24,26,28. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	660	Cái
218.	Sonde hút nhớt số 14	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm. Một đầu dây được gắn phễu, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây, cách đầu bo một khoảng lần lượt là 10 mm, 20mm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO.	600	Cái
219.	Sonde hút nhớt số 16	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm. Một đầu dây được gắn phễu, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây, cách đầu bo một khoảng lần lượt là 10 mm, 20mm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO.	710	Cái
220.	Presep 2,5g	Khử khuẩn các bề mặt, đồ vật và các thiết bị phòng đẻ, phòng bệnh, phòng mổ, các lobo xét nghiệm và trong khử khuẩn bệnh viện nói chung.	15	Viên
221.	Ống nội khí quản số 6.0, 7.0, 7.5, 8.0	Ống đặt nội khí quản (có bóng) 6.0 mm; 7.0mm; 7.5mm; 8.0mm	100	Cái
222.	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nóng	Chủ yếu được dùng cho việc đo áp suất tĩnh mạch, cung cấp chất dinh dưỡng bên ngoài ruột, truyền dịch, lấy mẫu máu từ tĩnh mạch trung tâm và trong các cuộc phẫu thuật.	20	bộ
223.	Túi nước tiểu	Dùng để đựng nước tiểu	160	Cái
224.	Kéo thẳng 10cm (cắt chỉ)	Dùng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. bề mặt dễ dàng vệ sinh. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	4	Cái
225.	Kéo cong 10cm (cắt chỉ)	Dùng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. bề mặt dễ dàng vệ sinh. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	4	Cái
226.	Kim châm cứu số 5	Kim châm cứu dùng để châm cứu (dùng một lần); đóng dạng gói hoặc vi; kích thước: 0.30x25mm	1000	Hộp
227.	Kim châm cứu số 6	Kim châm cứu dùng để châm cứu(dùng một lần); đóng dạng vi/gói; Kích thước: 0.30*40mm	100	Hộp
228.	Kim đẩy chỉ 23G	Kim châm cứu đẩy chỉ vô trùng dùng 1 lần. Dùng để đẩy chỉ vào các huyết vị trên cơ thể người. Thân kim được làm bằng sợi thép y tế không gỉ, đốc kim được cuốn bằng thép, các vòng quán tròn đều, không có gờ rập, 0.30x33mm, 0.35x45mm	35	Cái
229.	Máy điện châm	Nguồn điện: 220V ~ 240V 50Hz/ 60Hz Tần suất sóng : 1 - 100 Hz Độ rộng sóng truy xuất: $\leq 1\mu S$ Đường truy xuất: 6 đường độc lập	20	cái

		Chế độ sóng : Có 3 chế độ: Điều, ngắt quãng và liên tục Có đồng hồ hẹn giờ đến 30 phút		
230.	Sò đánh bóng	Bột đánh bóng cạo vôi không chứa gluten	400	Cái
231.	Chổi đánh bóng	Công dụng đánh bóng cạo vôi, làm sạch bề mặt răng khi sửa soạn gắn/dán với các vật liệu khác.	288	Cái
232.	Nụ cao su đánh bóng	Đài cao su đánh bóng răng, kết hợp paste đánh bóng sau cạo vôi Công dụng làm sạch và đánh bóng bề mặt răng sau cạo vôi, đánh bóng composite và bề mặt răng sứ, đang trụ/ đĩa/ cup	144	Cái
233.	Thuốc Epolin	Điều trị viêm chân răng, nhiệt miệng, viêm quanh răng, viêm ổ răng sau nhổ. Viêm loét niêm mạc miệng, giảm đau, cầm máu.	48	Lọ
234.	Ống hút nước bọt	Chất liệu nhựa tốt, mềm mại dễ uốn dẻo và giữ ổn định hình dạng. Ống hút nước bọt dùng 01 lần.	7200	Cái
235.	Mũi khoan tròn to	Đây là mũi khoan nha khoa kim cương với chuôi làm bằng thép không gỉ	50	cái
236.	Mũi khoan tròn nhỏ	Đây là mũi khoan nha khoa kim cương với chuôi làm bằng thép không gỉ	50	cái
237.	Mũi khoan trụ xanh	Đây là mũi khoan nha khoa kim cương với chuôi làm bằng thép không gỉ	300	cái
238.	Mũi khoan trụ đỏ	Đây là mũi khoan nha khoa kim cương với chuôi làm bằng thép không gỉ	50	cái
239.	Mũi khoan đuôi chuột xanh	Đây là mũi khoan nha khoa kim cương với chuôi làm bằng thép không gỉ	50	cái
240.	Mũi khoan ngọn lửa	Đây là mũi khoan nha khoa kim cương với chuôi làm bằng thép không gỉ	50	cái
241.	Mũi khoan mở xương tay khoan nhanh	Mũi khoan răng có phủ kim cương hoặc không phủ kim cương.	200	cái
242.	Mũi khoan đuôi chuột đỏ	Đây là mũi khoan nha khoa kim cương với chuôi làm bằng thép không gỉ	50	cái
243.	MTA	MTA trám bít tủy lý tưởng, trở thành một thành phần chuyên tiếp sinh học giữa tủy răng và các tổ chức quanh răng. Chỉ định sử dụng của MTA như che tủy, đóng chóp chân răng, chữa thủng sàn, thủng thành ống tủy, nội tiêu chân răng, trám ngược cắt chóp..	5	Type
244.	Lidocain 10%	Thuốc tê xịt dùng gây tê tại chỗ ở niêm mạc, cần tê trong thời gian ngắn hoặc chuẩn bị tiêm tê tại chỗ.	8	Lọ
245.	K-File 21mm (size 8 - 40)	Sản phẩm này dùng để mở rộng ống tủy và làm nhẵn thành ống tủy	180	Vi
246.	H-File 21mm (size 8 - 40)	Đây là sản phẩm giữa nha khoa có chuôi dùng để mở rộng khe tủy	180	Vi
247.	Gutta-Percha	dùng trám bít ống tủy trong điều trị nội nha	540	Lọ nhỏ
248.	Trám gai	Đây là sản phẩm trám gai nha khoa để lấy tủy răng	120	Vi
249.	Lentulo	Đây là dụng cụ nha khoa đưa chất hàn răng vào ống tủy với chuôi bằng thép không gỉ	80	Cái
250.	Ca(OH)2	Bột Calcium Hydroxide sát trùng dùng trong chữa trị ống tủy. Lọ/10g	6	Lọ
251.	Eugenol	Thành phần là dầu Eugenol dùng phối trộn với oxid kẽm làm giảm đau trong thủ thuật nha khoa	10	Lọ
252.	Cevitron	Dùng để trám lót trước khi trám hoàn tất	12	Lọ
253.	Devital (Septodont)	Đây là sản phẩm diệt tủy răng	2	Lọ
254.	Cortisolmol	Chất hàn ống tủy	6	Lọ
255.	Tricresol Formalin (TF)	Sát trùng tủy bị nhiễm trùng nặng, các trường hợp răng bị hư và chết tủy.	3	Lọ
256.	Camphenol	Dung dịch sát trùng nhanh dùng trong điều trị nhiễm trùng tủy và đinh tủy	3	Lọ
257.	Absorbent Paper (Côn	Có hình dạng đồng nhất, giúp dễ dàng sử dụng và vệ sinh sau khi sử dụng. Sản phẩm có khả năng	480	Lọ nhỏ

	giấy)	thấm hút cực nhanh, giúp tiết kiệm thời gian và đảm bảo hiệu quả trong công việc nha khoa. Sản phẩm đã được khử trùng bằng tia gamma		
258.	GC Fuji IX	Tăng cường phóng thích Fluoride, vật liệu trám glass ionomer cân quang dành cho răng	6	Hộp
259.	GC Fuji I	Xi măng gắn chốt là chất gắn lý tưởng để gắn các phục hình kim loại thông dụng và trám lót dưới các vật liệu trám	4	Hộp
260.	GC Fuji II	Là vật liệu hàn/trám răng	6	Hộp
261.	GC Fuji VII	Là loại vật liệu Glass Ionomer phóng thích flouride mạnh được phát triển để bảo vệ những bề mặt có nguy cơ sâu răng cao	6	Hộp
262.	Nhộng Composite A2 lỏng	Composite lỏng Tetric N-Flow thích hợp để trám lót, trám bít hố rãnh, trám xoang nhỏ và thành bên các xoang II, đặc biệt là xoang V.	40	Nhộng
263.	Nhộng Composite A2 đặc	Đặc tính hạt độn được tối ưu hóa cho kết quả thẩm mỹ cao, độ kháng mòn tốt, phù hợp cả vùng răng trước và răng sau	30	Nhộng
264.	Nhộng Composite A3 lỏng	Composite lỏng Tetric N-Flow thích hợp để trám lót, trám bít hố rãnh, trám xoang nhỏ và thành bên các xoang II, đặc biệt là xoang V.	40	Nhộng
265.	Nhộng Composite A3 đặc	Đặc tính hạt độn được tối ưu hóa cho kết quả thẩm mỹ cao, độ kháng mòn tốt, phù hợp cả vùng răng trước và răng sau	60	Nhộng
266.	Nhộng Composite A1 đặc	Đặc tính hạt độn được tối ưu hóa cho kết quả thẩm mỹ cao, độ kháng mòn tốt, phù hợp cả vùng răng trước và răng sau	20	Nhộng
267.	Nhộng Composite A1 lỏng	Composite lỏng Tetric N-Flow thích hợp để trám lót, trám bít hố rãnh, trám xoang nhỏ và thành bên các xoang II, đặc biệt là xoang V.	20	Nhộng
268.	Email Preparator	Là vật liệu etching men răng và conditioning ngà răng với tính năng đặc biệt.	4	Tuýp 2g
269.	Tetric N-Bond	Keo dán total-etch quang trùng hợp dùng trong phục hình trực tiếp và gián tiếp.	4	Lọ
270.	Hộp đánh bóng composite	Đánh bóng cao vòi, làm sạch bề mặt răng khi sửa soạn gắn/dán với các vật liệu khác.	2	Hộp
271.	Alginate (Aroma 500g)	Chất lấy dấu Aroma là loại vật liệu dễ trộn thành dạng kem, đồng nhất, không có bọt khí	48	Gói
272.	Thạch cao vàng	Dùng để đổ để trong nha khoa	52	Gói
273.	Chỉ co lợi Gingi - pak	Chỉ co nướu Gingipak được làm từ 100% Cotton, được tẩm qua epinephrine HCl, dùng để lấy dấu chính xác	2	Lọ
274.	Tấm bông	Cán được sản xuất từ giấy tinh chế, tạo cảm giác chắc chắn khi sử dụng. Bông được sản xuất từ 100% cotton đã tinh chế	6	Hộp
275.	Giấy thử khớp cắn (giấy đỏ)	Giấy cắn chuyên dùng ghi lại tình trạng khớp cắn của các răng thật tự nhiên, các phục hồi răng nhựa hoặc sứ	40	Tập
276.	Kim nha khoa (0,4 + 21mm)	Kim sắc bén, cỡ kim 27G, dài 21mm	3600	chiếc
277.	Tê bôi	Gel Bôi tê nướu răng dùng trong nha khoa Prime - Gel là loại chế phẩm gel chứa 20% Benzocain có mùi dầu tây dùng bôi tê nướu răng.	6	Lọ
278.	Elite HD lỏng	Cao su lỏng lấy dấu loại nhẹ trộn bằng súng, dùng chung với cao su đặc Elite HD+, màu xanh da trời, trộn bằng súng tỷ lệ 1:1. Loại trùng hợp thường: làm việc 5'30".	1	Hộp
279.	Elite HD đặc	Cao su lấy dấu loại nặng, trùng hợp bình thường. Elite HD+ là một silicone bổ sung kết hợp các tác	2	Hộp

		động của công nghệ nano với khả năng thấm nước cao, do đó đảm bảo lấy dấu hiệu quả trong nhiều trường hợp lâm sàng. Hộp/ 2 ống/ 250ml		
280.	Bôi trơn ống tủy (MD Chelcream)	Loại bỏ các chất vô cơ bằng EDTA-Ca+. Loại bỏ mùn ngà, giúp làm sạch thành ống tủy. Sửa soạn ống tủy để dễ dàng hơn nhờ tác dụng bôi trơn.	12	ống
281.	Thám trám	Làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy. Chứng chỉ ISO 9001, 13485	200	chiếc
282.	Kẹp gấp	Làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy. Chứng chỉ ISO 9001, 13485.	200	chiếc
283.	Mặt gương nha khoa	Có thể hấp sấy được, chống mờ. Chứng chỉ ISO 9001, 13485.	600	chiếc
284.	Cán gương nha khoa	Làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy. Chứng chỉ ISO 9001, 13485.	100	chiếc
285.	Que lấy và ấn chất hàn	Làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy. Chứng chỉ ISO 9001, 13485	12	Que
286.	Kim nhổ răng các loại	Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Dùng để tách lợi. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	30	Kim
287.	Kéo cắt chỉ cong		30	Cái
288.	Kim mang kim	25-100/25-110/25-120 Panh/Kẹp/Kim mang kim phẫu thuật 12cm/12.5cm/13cm. Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	24	cái
289.	Bẫy các loại	710 Bẫy răng các loại; 710/5 Bẫy chân răng thẳng nhỏ; 710/8 Bộ bẫy roottip; 710/10 Bẫy khay nhỏ răng phải; 710/11 Bẫy khay nhỏ răng trái; 710/27 Bẫy răng số 8. Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	30	cái
290.	Tách lợi mỏng , nhọn	Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ, bề mặt dễ dàng vệ sinh. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	60	Chiếc
291.	Dầu Hi - Clean Spray	Dầu tra tay khoan Hi-Clean Spray là sản phẩm chứa hoạt chất làm sạch và dầu bôi trơn cao cấp. Sử dụng đúng cách, phù hợp với tất cả các loại tay khoan nha khoa và motor hơi.	4	Lọ
292.	Bóng đèn quang trùng hợp	Bóng đèn Osram 64627 được sử dụng chủ yếu trong kính hiển vi, bóng cho các đèn mổ y khoa, dùng cho nhãn khoa, bóng đèn máy chiếu, Ứng dụng: bóng đèn trám răng, bóng đèn nha khoa, bóng đèn quang trùng hợp	2	Cái
293.	Kẽm Oxyt	Bột Zinc oxide (oxit kẽm) tinh khiết, mịn đồng nhất được sử dụng trong điều trị nội nha, trám tạm, gắn tạm...	1	Lọ
294.	Chỉ tơ nha khoa	Chỉ được chế từ sợi nilon hoặc sợi PTFE màu trắng đục, dai, mịn.	12	Cuộn
295.	Mũi khoan mở xương dành cho tay khoan chậm	Mũi khoan răng có phủ kim cương hoặc không phủ kim cương.	300	cái
296.	Bộ Protaper tay (21mm, 25mm)	Trâm nội nha	2	vi
297.	Bộ ProFile máy	Trâm nội nha	2	vi
298.	Nạo huyết ổ răng	Chất liệu bằng thép không gỉ, dùng để nạo huyết ổ răng	10	Cây
299.	Nạo ngà nhỏ	Chất liệu bằng thép không gỉ, dùng để nạo ngà răng	15	Cây
300.	Bộ lèn ngang	Sản phẩm này dùng để mở rộng miệng ống tủy và làm cho vách ống tủy thông suốt và trơn tru bằng cách giữa và làm sạch	5	hộp
301.	Thìa lấy dấu các loại trên, dưới bằng nhựa, sắt	Bảng thép không gỉ, dùng để lấy dấu răng.	20	Thìa

302.	K- File 25mm (size 8 - 40)	Sản phẩm này dùng để mở rộng ống tủy và làm nhẵn thành ống tủy	100	Vì
303.	H - File 25mm (size 8 - 40)	Đây là sản phẩm giữa nha khoa có chuỗi dùng để mở rộng khe tủy	100	Vì
304.	Gutta-Percha F1	Dùng để trám bít ống tủy	2	Hộp
305.	Gutta-Percha F2	Dùng để trám bít ống tủy	2	Hộp
306.	Đầu nội nha siêu âm ART	dùng để rung rửa ống tủy (chưa bao gồm mũi nội nha)	2	Đầu
307.	Mũi nội nha	Sản phẩm này dùng để mở rộng miệng ống tủy và làm cho vách ống tủy thông suốt và tron tru bằng cách giữa và làm sạch.	12	hộp
308.	Ốc tay khoan nhanh	Được chế tạo bằng thép. Vòng bi thép. Sử dụng cho tay khoan nhanh Pana Air Σ.	10	Ốc
309.	Đầu lấy cao răng dưới lợi	Dùng để lấy cao răng	10	Đầu
310.	Phim xquang KTS 8x10 inch	Kích cỡ: 20X25cm.Phim dùng cho chụp X-Quang y tế. Tương thích với máy in phim khô Drypix series: Drypix Plus (4000), Drypix Smart (6000), Drypix 7000, Drypix Edge (8000).	300	Hộp
311.	Săng gói dụng cụ vải 2 lớp Kích thước: 55cm x55 cm	Chất liệu: Vải Kaki Bangzin loại dày Màu sắc: Màu vàng ngà Săng bọc viền xung quanh mép vải, có đường máy giữ vắt chéo qua các góc	240	Cái
312.	Săng gói dụng cụ vải 2 lớp Kích thước: 75cm x75 cm	Chất liệu: Vải Kaki Bangzin loại dày Màu sắc: Màu vàng ngà Săng bọc viền xung quanh mép vải, có đường máy giữ vắt chéo qua các góc	240	Cái
313.	Săng gói dụng cụ vải 2 lớp Kích thước: 120cm x120 cm	Chất liệu: Vải Kaki Bangzin loại dày Màu sắc: Màu vàng ngà Săng bọc viền xung quanh mép vải, có đường máy giữ vắt chéo qua các góc	200	Cái
314.	Túi vải sợi bạt gom đồ vải bản màu vàng	Chất liệu: Vải Kaki Bangzin loại dày Miệng túi đường kính 100cm x cao 120cm, có dây rút đầu túi	100	Chiếc
315.	Săng xanh không lỗ 1 lớp Kích thước: 1,4m x 1,6 m	Chất liệu: Vải Kaki Bangzin dày Săng bọc viền xung quanh mép vải	270	Cái
316.	Săng xanh có lỗ to 1 lớp đầy (gây tê tủy sống/ bọc lỗ vị trí phẫu thuật)	Kích thước: 1,4m x 1,6 m Chất liệu: Vải Kaki Bangzin loại dày Săng bọc viền xung quanh mép vải có lỗ đường kính 20cm bọc viền quanh lỗ	100	Cái
317.	Săng xanh có lỗ nhỏ 1 lớp đầy Kích thước: 90 cm x 60 cm	Chất liệu: Vải Kaki Bangzin loại dày Săng bọc viền xung quanh mép vải có lỗ đường kính 20cm bọc viền quanh lỗ	60	Cái
318.	Kích thước: 40 cm x 40 cm	Chất liệu: Vải Kaki Bangzin loại dày Săng bọc viền xung quanh mép vải	50	Cái
319.	Săng có lỗ vừa 1 lớp	Chất liệu: Vải Kaki Bangzin loại dày Săng bọc viền xung quanh mép vải có lỗ đường kính 20cm bọc viền quanh lỗ	10	Cái

	Kích thước: 100 cm x 75 cm			
320.	Áo choàng phẫu thuật	Chất liệu: Vải Kaki Bangzin loại dày Áo có dây buộc sau lưng, có đai áo quanh eo, tay áo bo chun, Chiều dài áo qua gối	250	Cái
321.	Quần áo dành riêng cho khu gây mê hồi sức	Chất liệu: oxford Việt Thắng Quần, Áo cộc tay Màu sắc: xanh dương Trọng lượng vải: $\geq 200\text{g/m}^2$ Kiểu dáng áo cổ tim có chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có biển cài tên bên ngực trái (là nữ), áo nam có túi ngực. Kiểu dáng quần âu hai ly, túi chéo Có in lô gô trên ngực áo	150	Bộ
322.	Vỏ gối	Kích thước: 40cm x60cm Chất liệu: Lon Mỹ Có in lô gô trên vỏ gối	100	Cái
323.	Ruột gối	Kích thước: 40cm x60cm Chất liệu: bông không thấm nước Trọng lượng: $\leq 1\text{kg/chiếc}$	50	Cái
324.	Áo bệnh nhân chuẩn bị trước mổ	Chất liệu: Vải thô Loại áo liền thân có dây buộc sau lưng Màu sắc: Xanh cô ban Có in lô gô trên áo	50	Cái
325.	Khăn tắm	Kích thước: 30 cm x 70 cm Chất liệu: Vải bông	100	Cái
326.	Quần áo bác sĩ cộc tay	Chất liệu: Vải oxford Việt Thắng Màu sắc: Trắng Trọng lượng vải: $\geq 200\text{g/m}^2$ Kiểu dáng áo blouse cổ bẻ danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có biển cài tên bên ngực trái, phía sau xẻ tới ngang hông. Quần âu hai ly, túi chéo Có in lô gô trên ngực áo	100	Bộ
327.	Quần áo bác sĩ dài tay	Chất liệu: oxford Việt Thắng Màu sắc: trắng Trọng lượng vải: $\geq 200\text{g/m}^2$ Kiểu dáng: áo blouse cổ bẻ danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có biển cài tên bên ngực trái, phía sau xẻ tới ngang hông. Quần; âu hai ly, túi chéo Có in lô gô trên ngực áo	100	Bộ
328.	Quần áo điều dưỡng nam	Chất liệu: Vải oxford Việt Thắng Màu sắc: trắng	10	Bộ

	dài tay, cộc tay	<p>Trọng lượng vải: $\geq 200\text{g/m}^2$</p> <p>Kiểu dáng áo blouse cổ bẻ danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có biển cài tên bên ngực trái, phía sau xẻ tới ngang hông. Quần; âu hai ly, túi chéo</p> <p>Có in lô gô trên ngực áo</p>		
329.	Quần áo điều dưỡng nữ cộc tay	<p>Quần, Áo cộc tay</p> <p>Chất liệu: oxford Việt Thắng</p> <p>Màu sắc: trắng</p> <p>Trọng lượng vải: $\geq 200\text{g/m}^2$</p> <p>Kiểu dáng áo blouse cổ bẻ danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có biển cài tên bên ngực trái, phía sau xẻ tới ngang hông.</p> <p>Kiểu dáng quần; âu hai ly, túi chéo</p> <p>Có in lô gô trên ngực áo</p>	50	Bộ
330.	Váy điều dưỡng	<p>Chất liệu: Vải kaki bangzín</p> <p>Màu sắc: hồng</p> <p>Trọng lượng vải: $\geq 250\text{g/m}^2$</p> <p>Kiểu dáng: váy cổ bẻ danton, cài cúc giữa, chiều dài áo qua gối, phía trước có 2 túi, có biển cài tên bên ngực trái.</p> <p>Có in lô gô trên ngực áo</p>	25	Chiếc
331.	Bộ quần áo gây mê	<p>Quần, Áo cộc tay</p> <p>Màu sắc: Màu xanh hòa bình</p> <p>Chất liệu: Vải thô</p> <p>Trọng lượng vải: 200g/m^2</p> <p>Kiểu dáng: áo cổ tim cổ chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có biển cài tên bên ngực trái (là nữ) áo nam có túi ngực.</p> <p>Kiểu dáng: Quần âu hai ly, túi chéo</p> <p>Có in lô gô trên ngực áo</p>	35	Bộ
332.	Bộ quần áo kỹ thuật viên	<p>Quần, Áo dài tay, cộc tay</p> <p>Chất liệu: kaki</p> <p>Màu sắc: Màu xanh cổ vịt</p> <p>Trọng lượng vải: $\geq 200\text{g/m}^2$</p> <p>Kiểu dáng: áo cổ tim cổ chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có biển cài tên bên ngực trái (là nữ) áo nam có túi ngực. Quần âu hai ly, túi chéo</p> <p>Có in lô gô trên ngực áo</p>	175	Bộ
333.	Bộ quần áo kiểm soát nhiễm khuẩn	<p>Quần, Áo cộc tay</p> <p>Chất liệu: Vải thô</p> <p>Màu sắc: xanh lá cây</p> <p>Trọng lượng vải: $\geq 200\text{g/m}^2$</p> <p>Kiểu dáng áo cổ tim cổ chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có biển cài tên bên ngực trái (là nữ), áo nam có túi ngực.</p> <p>Kiểu dáng quần âu hai ly, túi chéo</p>	10	Bộ

			10	Bộ
334.	Bộ quần áo an toàn sinh học	<p>Có in lô gô trên ngực áo</p> <p>Quần, Áo cộc tay</p> <p>Chất liệu: Vải thô</p> <p>Màu sắc: xanh lá cây</p> <p>Trong lượng vải: $\geq 200\text{g/m}^2$</p> <p>Kiểu dáng áo cộc tay cổ chui dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có biển cài tên bên ngực trái (là nữ), áo nam có túi ngực.</p> <p>Kiểu dáng quần âu hai ly, túi chéo</p> <p>Có in lô gô trên ngực áo</p>	10	Bộ
335.	Mũ điều dưỡng	<p>Chất liệu: Vải kaki bangzin</p> <p>Kiểu dáng: mũ kiểu dáng giống mũ cô gái Hà Lan, có nẹp bẻ bên trên mũ, chóp mũ có khuy đính, sau mũ có dây buộc.</p>	25	Chiếc

PHỤ LỤC 2
MẪU BÁO GIÁ
BÁO GIÁ⁽¹⁾

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: /TB-BVĐHKTYTHD ngày 20/7/2023 của Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

Kính gửi: Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số /TB-BVĐHKTYTHD ngày 20/7/2023 của Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VNĐ)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VNĐ)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo pháp luật hoặc người đại diện tham gia báo giá, đại diện hợp danh của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên liên danh nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia.